TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐĂK LĂK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2019
"V/v: Kiện ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Xuân Cường
Các hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Hoàng Tuyển và ông Võ Ánh Sửu
- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Năng Quân - Cán bộ Toà án nhân dân huyện E.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E:* Ông Hồ Quang Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện E, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc "Kiện ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐST–HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị L, sinh năm 1972. Trú tại: Thôn 4B, xã W, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.
- Bị đơn: Ông Triệu Văn P, sinh năm 1972. Trú tại: Thôn 4B, xã W, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị L và anh Triệu Văn P chung sống với nhau từ năm 1990, đến năm 2004 mới đăng kết hôn tại UBND xã W, huyện E tỉnh Đăk Lăk. Sau khi kết hôn hai người về chung sống với nhau Cuộc sống chung hạnh phúc. Đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và gay gắt cho tới nay, nguyên nhân là do giữa bà L và ông P không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, ông P không lo chăm sóc vợ con, đánh đập bà L. Mâu thuẫn không thể khắc phục được và ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L ly hôn với ông P.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà L và ông P đã có 03 người con chung là: Triệu Thị Phương - sinh năm 1991; Triệu Minh Hùng – sinh năm 1992; Triệu Thị Nhung – sinh năm 1997. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu giải quyết

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy Trích lục kết hôn; 03 giấy khai sinh (photo); Chứng minh nhân dân mang tên Lương Thị L (photo); Sổ hộ khẩu (photo).

Các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh nơi cư trú của ông P và biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của bà L và ông P.

Bị đơn ông Triệu Văn P có đến Tòa án làm việc nhưng không hợp tác, từ chối ký vào biên bản giao nhận văn bản tố tụng, các biên bản tố tụng khác và tự ý bỏ về không có lý do. Sau đó mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo qui định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX, Thư ký và nguyên đơn, đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông P có đến tòa án để làm việc và khai đồng ý lý hôn với bà L, nhưng từ chối ký vào các văn bản tại Tòa án và bỏ về không có lý do, như vậy ông P đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình. Sau đó mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Lương Thị L và ông Triệu Văn P chung sống với nhau từ năm 1990. Đến ngày 10/6/2004 đăng ký kết hôn tại UBND xã W, huyện E, tỉnh Đăk Lăk trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn về sống chung với nhau Bà Lương Thị L và ông Triệu Văn P sống hạnh

phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong việc làm ăn kinh tế, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương cũng thể hiện bà L và ông P có mâu thuẫn, hay cãi nhau. Mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, không còn yêu thương, quý trọng nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Lương Thị L là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 Luật hôn nhân gia đình, nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà L và ông P đã có 03 người con chung là: Triệu Thị Phương - sinh năm 1991; Triệu Minh Hùng – sinh năm 1992; Triệu Thị Nhung – sinh năm 1997. Hiện các con đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông P không có ý kiến gì, nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị L.

1. Về hôn nhân: Bà Lương Thị L được ly hôn ông Triệu Văn P.

2. Về con chung: Các con chung Triệu Thị Phương - sinh năm 1991; Triệu Minh Hùng – sinh năm 1992; Triệu Thị Nhung – sinh năm 1997 hiện đã trưởng thành nên không đề cập, xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Lương Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

4. Về án phí: Bà Lương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Lương Thị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: 0000783, ngày 28 tháng 5 năm 2019.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Bà Lương Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Triệu Văn P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND xã W;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Cường